CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 3/2025

CTCP Du lịch Thành Thành Công

Ngày 30/09/2025	7,490 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	-2.1%	**-2.7%**	**-6.4%**

DT thuần
Q3/25
180
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 3.00| 1.5%
YoY: ▼5.00| -2.9%

LN thuần
Q3/25
68.2
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 113| 254%
YoY: ▲ 114| 250%

LN sau thuế
Q3/25
59.7
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 110| 218%
YoY: ▲ 101| 243%

Tỷ suất lãi EBIT
Q3/25
67.8%
YoY: +/-▲ 58.9%

ROE (TTM)
Q3/25
0.7%
YoY: +/-▲ 9.4%

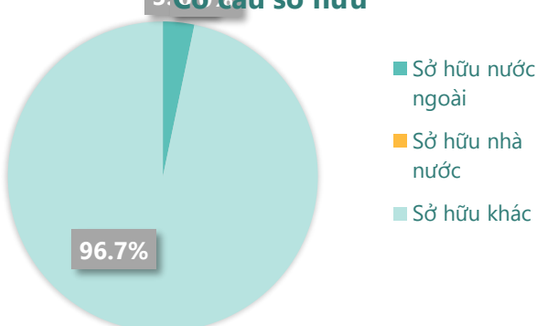
Sàn giao dịch	HSX
Khoảng giá 52 tuần	7,350 - 9,410
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	729
Số lượng CPLH (CP)	97,276,608
KLGD BQ 20 phiên (CP)	4,075
Sở hữu nước ngoài	3.3%
Beta	0.58
EPS	77
P/E	97.4

DT thuần
9T 2025
507
tỷ VNĐ
YoY: ▼56.0| -10.0%

LN thuần
9T 2025
-19.8
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 9.80| 33.1%

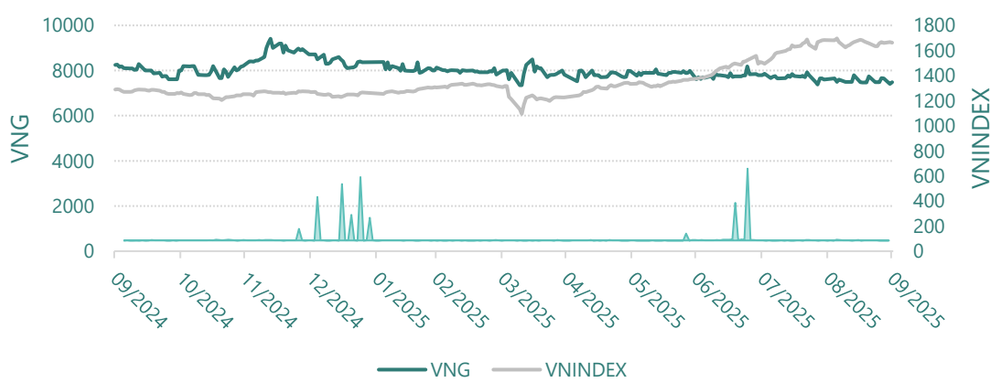
LN sau thuế
9T 2025
-34.8
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 5.90| 14.4%

Cơ cấu sở hữu

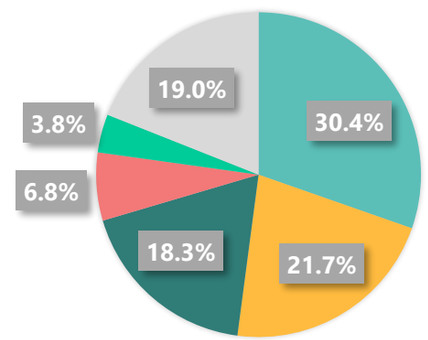


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



Cơ cấu cổ đông

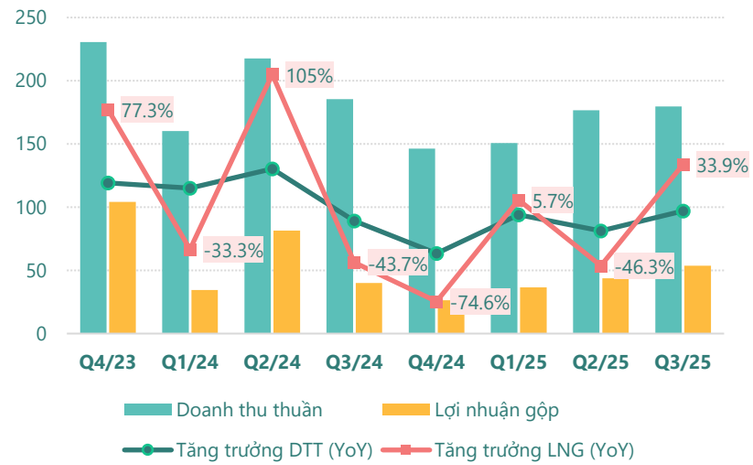


- CTCP Đầu tư Thành Thành Công
- CTCP Giao dịch hàng hóa Sơn Tín
- CTCP Khu công nghiệp Thành Thành Công
- CTCP Hàng tiêu dùng Biên Hòa
- Vũ Quốc Vương
- Khác

(Nguồn: fireant.vn)

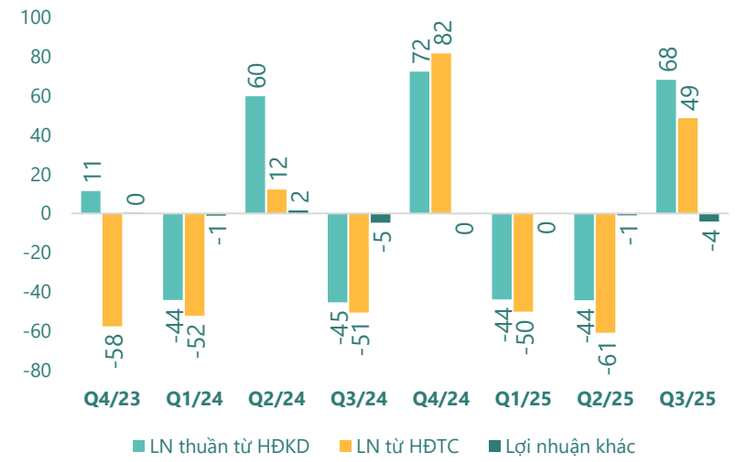
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



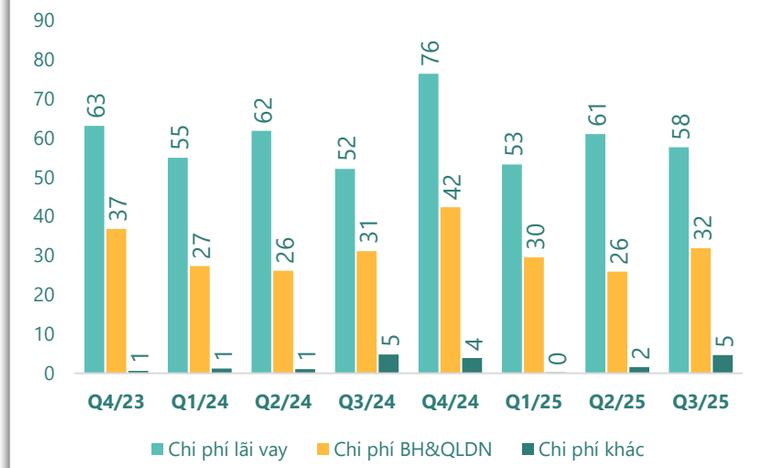
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



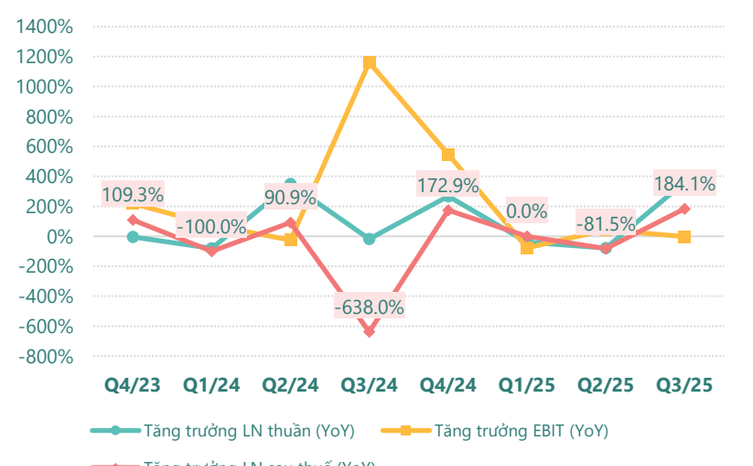
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



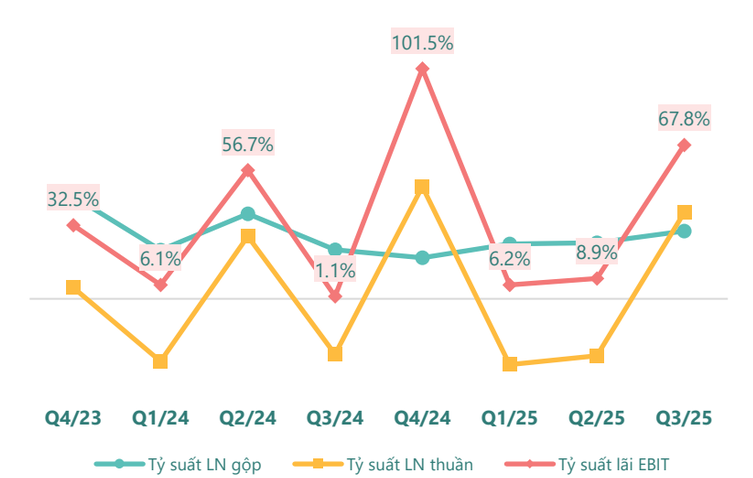
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



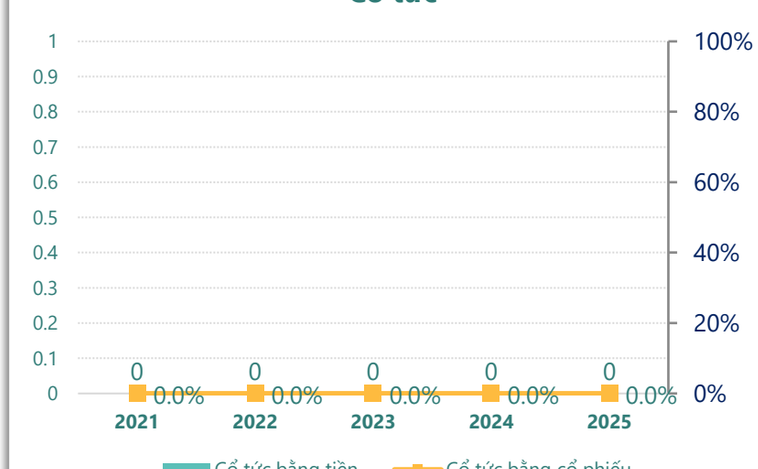
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



(Nguồn: fireant.vn)

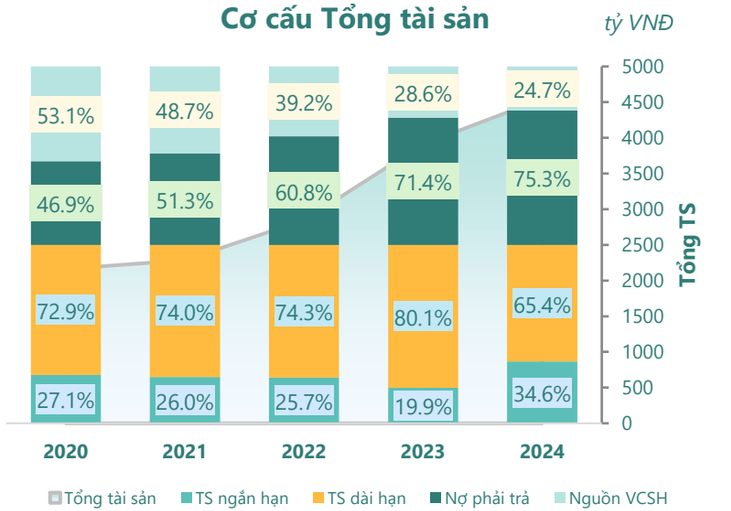
Cổ tức



(Nguồn: fireant.vn)

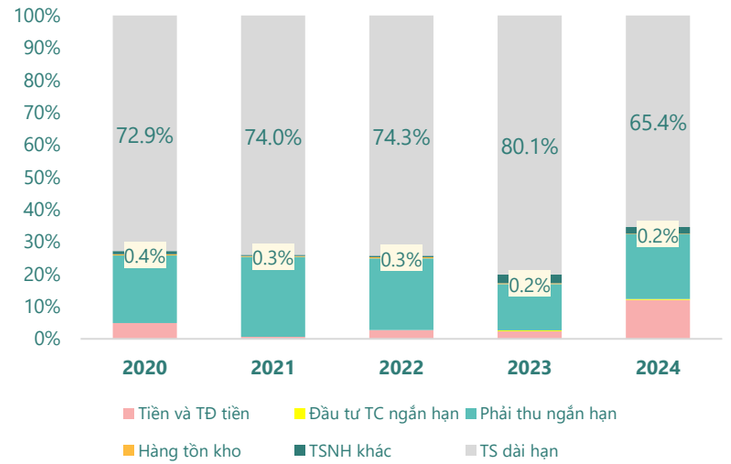
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



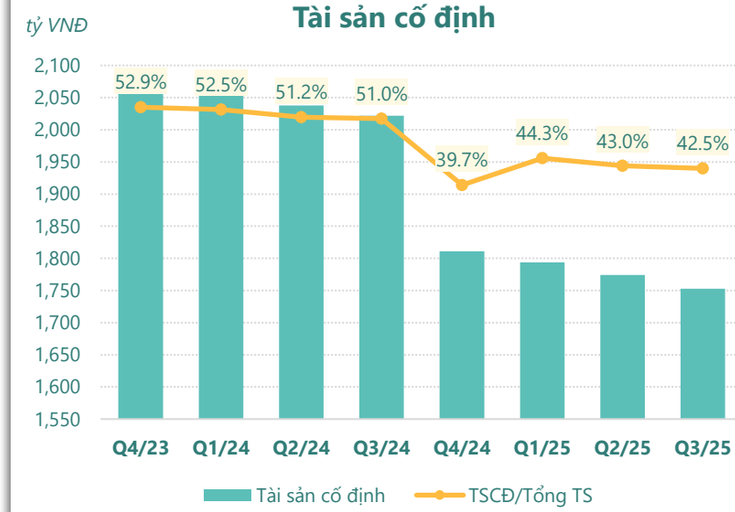
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



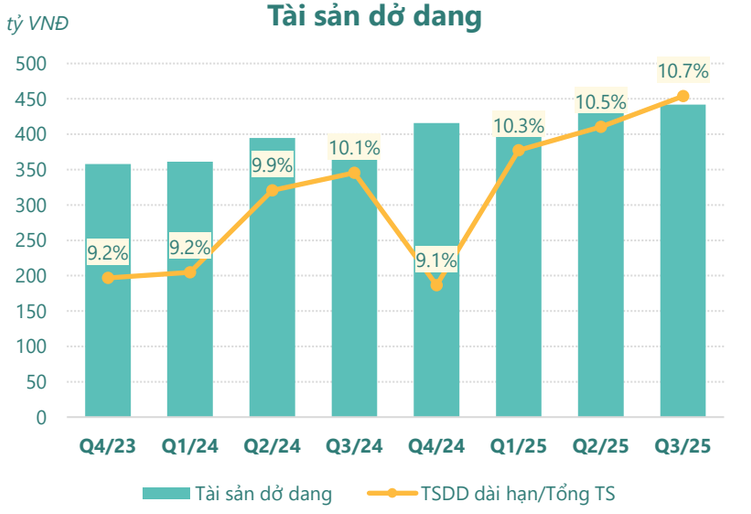
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



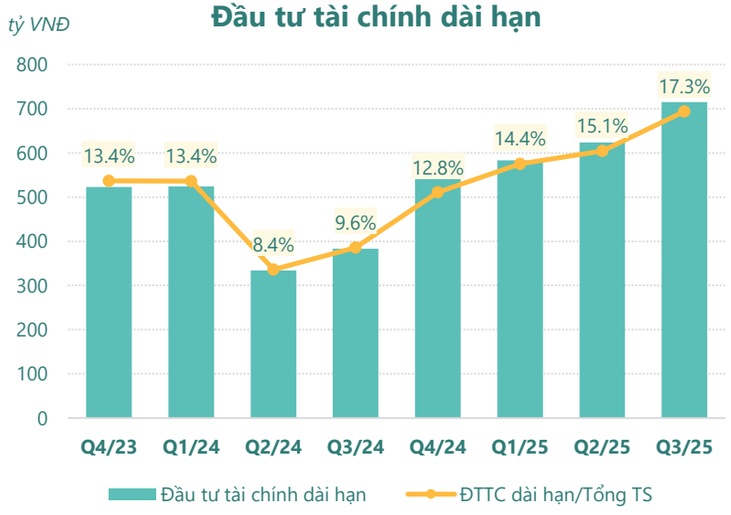
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



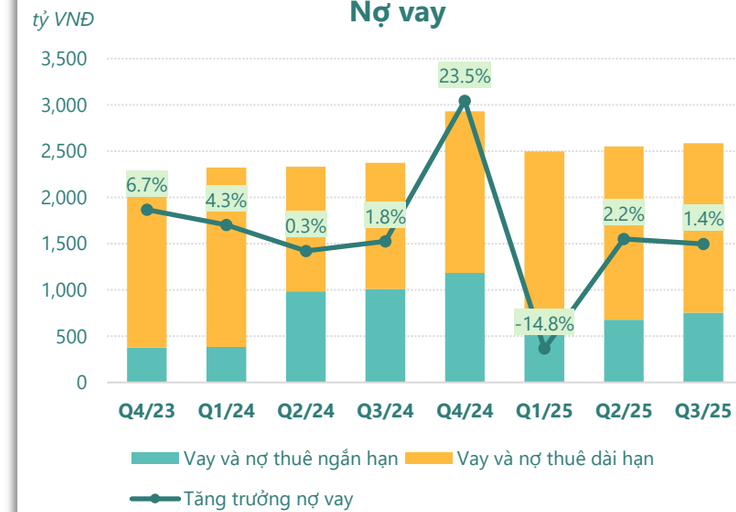
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

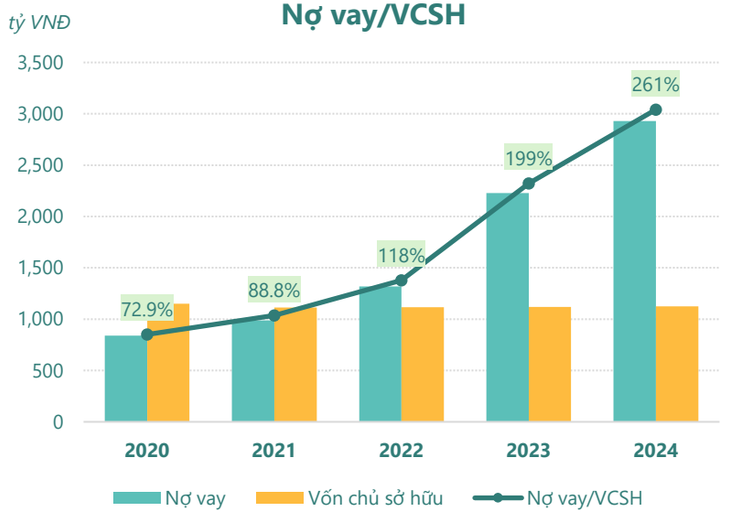
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

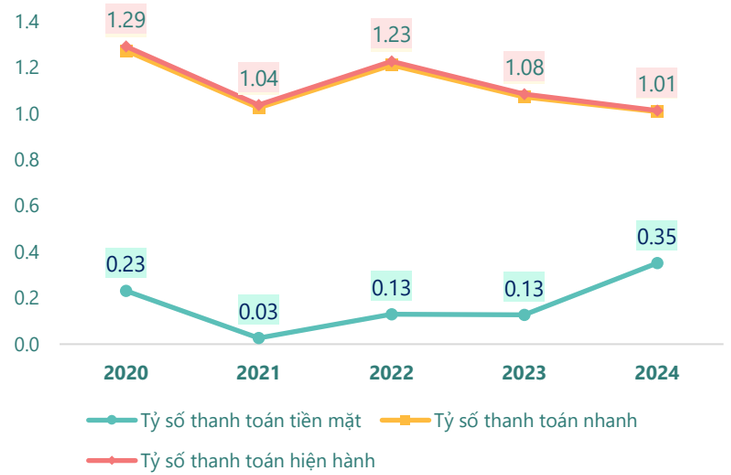
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



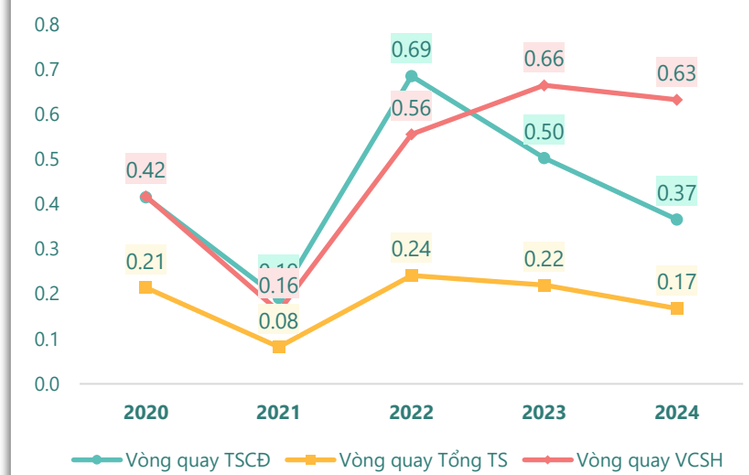
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



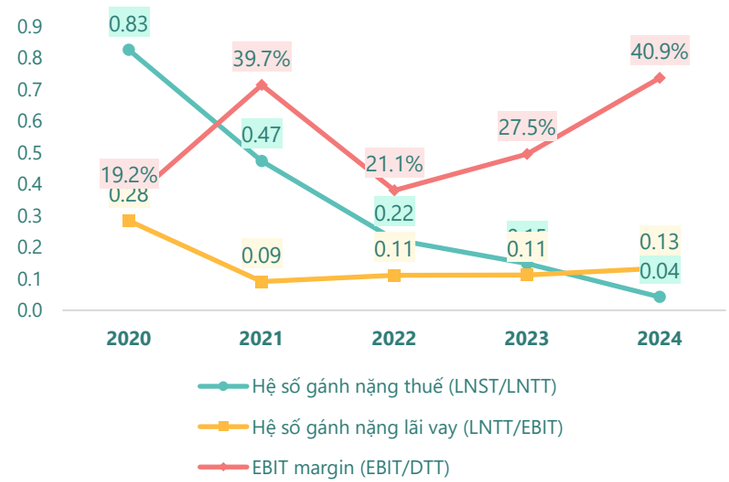
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



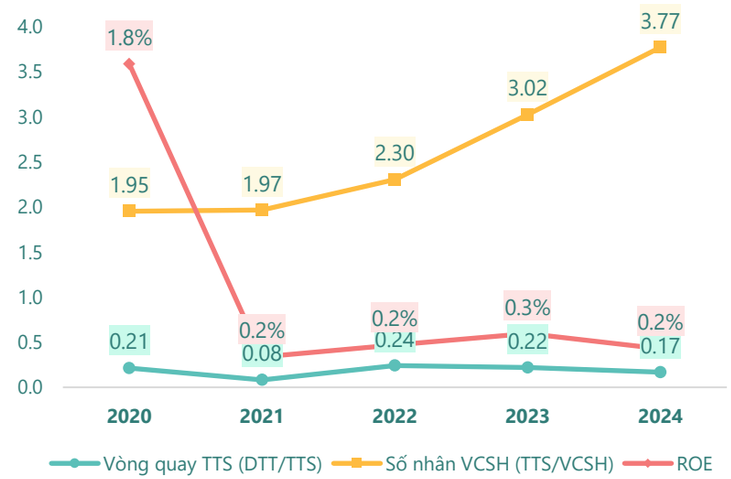
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



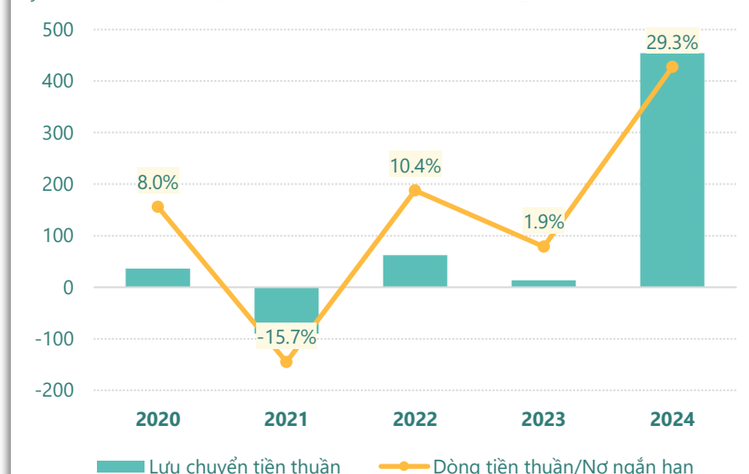
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q3/25	Q3/24	Thay đổi YoY	9T 2025	9T 2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**180**	**185**	**-2.9%**	**507**	**563**	**-10.0%**
Giá vốn hàng bán	126	145	-13.1%	373	407	-8.4%
Lợi nhuận gộp	53.7	40.1	33.8%	134	156	-14.2%
Doanh thu HĐTC	105	4.64	2168%	114	86.1	32.1%
Chi phí TC	56.5	55.2	2.4%	176	177	-0.4%
Chi phí lãi vay	57.7	52.1	10.8%	172	169	1.8%
LN trong công ty LKLD	**-2.25**	**-3.66**	**38.4%**	**-4.09**	**-10.6**	**61.3%**
Chi phí bán hàng	11.5	10.0	14.6%	30.4	25.5	19.3%
Chi phí QLDN	**20.4**	**21.1**	**-3.2%**	**57.0**	**59.1**	**-3.6%**
LN thuần từ HĐKD	68.2	-45.4	250%	-19.8	-29.6	33.1%
Lợi nhuận khác	**-4.15**	**-4.70**	**11.7%**	**-5.36**	**-4.18**	**-28.0%**
LN trước thuế	64.1	-50.1	228%	-25.2	-33.8	25.5%
Lợi nhuận sau thuế	**59.7**	**-41.7**	**243%**	**-34.8**	**-40.7**	**14.4%**
LNST của CĐ cty mẹ	**59.8**	**-41.1**	**245%**	**-34.8**	**-39.9**	**12.8%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-186	94.2	60.2	388	-446	80.6
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	182	-152	-599	-456	396	-148
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	7.45	48.3	550	-433	53.9	35.4
Tiền đầu kỳ	40.0	43.3	33.9	545	44.4	47.8
Lưu chuyển tiền thuần	**3.26**	**-9.34**	**11.4**	**-501**	**3.35**	**-32.5**
Ảnh hưởng tỷ giá	0.08	-0.08	0	0	0.01	-0.01
Tiền cuối kỳ	43.3	33.9	45.2	44.4	47.8	15.3

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/9/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**4,119**	**4,544**	**-9.4%**
Tài sản ngắn hạn	1,082	1,572	-31.2%
Tiền và tương đương tiền	15.3	545	-97.2%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	281	12.3	2186%
Phải thu ngắn hạn	673	913	-26.3%
Hàng tồn kho	13.0	7.55	71.6%
Tài sản ngắn hạn khác	99.9	94.0	6.3%
Tài sản dài hạn	**3,037**	**2,973**	**2.2%**
Phải thu dài hạn	84.7	299	-71.7%
Tài sản cố định	1,753	1,811	-3.2%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	442	412	7.2%
Đầu tư tài chính dài hạn	715	391	82.6%
Tài sản dài hạn khác	**42.1**	**56.3**	**-25.1%**
Lợi thế thương mại	1.72	2.42	-29.2%
Nợ phải trả	3,030	3,421	-11.4%
Nợ ngắn hạn	**1,071**	**1,551**	**-30.9%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	755	1,139	-33.8%
Phải trả người bán ngắn hạn	92.0	132	-30.5%
Nợ dài hạn	1,959	1,870	4.8%
Vay và nợ thuê dài hạn	1,831	1,790	2.3%
Nguồn vốn chủ sở hữu	**1,089**	**1,124**	**-3.1%**
Vốn chủ sở hữu	**1,089**	**1,124**	**-3.1%**
Vốn điều lệ	973	973	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)